

# HỒ SƠ MỜI THẦU QUA MẠNG (E-HSMT)

**Số hiệu gói thầu và số thông báo  
mời thầu (trên Hệ thống):**

**Tên gói thầu (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):** **Lắp đặt Camera tại cửa khẩu Tà Lùng và cửa khẩu Trà Lĩnh**

**Dự toán (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):** **Lắp đặt Camera tại cửa khẩu Tà Lùng và cửa khẩu Trà Lĩnh**

**Phát hành ngày (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):** ...../...../2020

**Ban hành kèm theo Quyết định số (theo nội dung thông báo mời thầu trên Hệ thống):** ...../QĐ-BQL ngày ..... tháng ..... năm 2020 của **Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng**

**Đ/D hợp pháp của tư vấn lập E-HSMT  
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT  
LƯỢNG CÔNG TRÌNH XD CAO BẰNG  
GIÁM ĐỐC**

**Đ/D hợp pháp của bên mời thầu  
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ  
TỈNH CAO BẰNG  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Huy Hoàng**

**Nguyễn Kiên Cường**

# MỤC LỤC

**Mô tả tóm tắt**

**Từ ngữ viết tắt**

## **Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**

**Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu**

**Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu**

**Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu**

**Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu**

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật**

## **Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

**Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng**

**Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng**

**Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

# MÔ TẢ TÓM TẮT

## Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

### Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị hồ sơ dự thầu. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp hồ sơ dự thầu, mở thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

### Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

### Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá hồ sơ dự thầu và đánh giá về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu.

Chương này bao gồm: Mục 1 (Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT) được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống; Mục 2 (Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm) được số hóa dưới dạng webform. Bên mời thầu cần nhập thông tin vào các webform tương ứng; Mục 3 (Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật) và Mục 4 (Tiêu chuẩn đánh giá về giá) là tệp tin PDF/Word do bên mời thầu chuẩn bị theo mẫu.

### Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Bên mời thầu và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu.

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá (nếu có) được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word/CAD do Bên mời thầu chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

## Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

### Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng

Chương này gồm điều khoản chung được áp dụng cho tất cả các hợp đồng của các gói thầu khác nhau. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

### Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

Chương này bao gồm dữ liệu hợp đồng và Điều kiện cụ thể, trong đó có điều khoản cụ thể cho mỗi hợp đồng. Điều kiện cụ thể của hợp đồng nhằm chi tiết hóa, bổ sung nhưng không được thay thế Điều kiện chung của Hợp đồng.

### **Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng**

Chương này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng. Các mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng (Thư bảo lãnh) và Bảo lãnh tiền tạm ứng (nếu có yêu cầu về tạm ứng) do nhà thầu trúng thầu hoàn chỉnh trước khi hợp đồng có hiệu lực.

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

E-TBMT	Thông báo mời thầu
E-CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
E-BDL	Bảng dữ liệu đấu thầu
E-ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
E-ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
VND	đồng Việt Nam
Luật đấu thầu	Luật đấu thầu số 43/2013/QH13
Nghị định 63	Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014
Thông tư 11	Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư : Quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <a href="http://muasamcong.mpi.gov.vn">http://muasamcong.mpi.gov.vn</a>
PDF	Định dạng tài liệu được cố định theo tiêu chuẩn của hãng Adobe Systems để tài liệu được hiển thị như nhau trên mọi môi trường làm việc
Excel	Định dạng tài liệu theo dạng bảng biểu của hãng Microsoft dùng trong việc tính toán, nhập dữ liệu
Word	Định dạng tài liệu theo dạng văn bản của hãng Microsoft dùng trong việc trình bày, nhập dữ liệu
Webform	Định dạng tài liệu theo dạng biểu mẫu nhập sẵn trên Hệ thống, thông qua mạng internet, tương tác giữa máy tính của người sử dụng và máy chủ của Hệ thống

**Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU**  
**Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU**

<p><b>1. Phạm vi gói thầu</b></p>	<p>1.1. Bên mời thầu quy định tại <b>E-BDL</b> phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hoá quy mô nhỏ theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, tên dự án, thời gian thực hiện hợp đồng quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</b></p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSMT và được quy định trong E-TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p> <p>2.4. Nhà thầu trong đấu thầu qua mạng là nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống và còn hiệu lực hoạt động.</p>
<p><b>3. Nguồn vốn</b></p>	<p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>4. Hành vi bị cấm</b></p>	<p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ.</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động đấu thầu.</p> <p>4.3. Thông thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Thỏa thuận về việc rút khỏi việc dự thầu hoặc rút đơn dự thầu được nộp trước đó để một hoặc các bên tham gia thỏa thuận thắng thầu;</p> <p>b) Thỏa thuận để một hoặc nhiều bên chuẩn bị E-HSMT cho các bên tham dự thầu để một bên thắng thầu;</p> <p>c) Thỏa thuận về việc từ chối cung cấp hàng hóa, không ký hợp đồng thầu phụ hoặc các hình thức gây khó khăn khác cho các bên không tham gia thỏa thuận.</p> <p>4.4. Gian lận, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Trình bày sai một cách cố ý hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu của một bên trong đấu thầu nhằm thu được lợi ích tài chính hoặc lợi ích khác hoặc nhằm trốn tránh bất kỳ một nghĩa vụ nào;</p> <p>b) Cá nhân trực tiếp đánh giá E-HSMT, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu cố ý báo cáo sai hoặc cung cấp thông tin không trung thực làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nhà thầu cố ý cung cấp các thông tin không trung thực trong E-HSMT;</p> <p>d) Nhà thầu sử dụng chứng thư số của nhà thầu khác để tham dự</p>

đấu thầu qua mạng;

đ) Bên mời thầu cố tình cung cấp thông tin sai lệch khi thông báo và phát hành E-HSMT trên Hệ thống so với E-HSMT được phê duyệt;

e) Bên mời thầu cung cấp thông tin sai lệch của E-HSMT so với bản gốc E-HSMT trên Hệ thống cho Tổ chuyên gia.

4.5. Cản trở, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, quấy rối hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

b) Các hành vi cản trở đối với nhà thầu, cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;

c) Các hành vi tấn công vào Hệ thống nhằm phá hoại và cản trở các nhà thầu tham dự.

4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch, bao gồm các hành vi sau đây:

a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, Chủ đầu tư hoặc thực hiện các nhiệm vụ của Bên mời thầu, Chủ đầu tư;

b) Tham gia đánh giá E-HSMT đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu;

c) Là cá nhân thuộc Bên mời thầu, Chủ đầu tư nhưng trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là người đứng đầu Chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do cha mẹ đẻ, cha mẹ vợ hoặc cha mẹ chồng, vợ hoặc chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh chị em ruột đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu tham dự thầu;

d) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hoá do mình cung cấp dịch vụ tư vấn trước đó;

đ) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do Chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác trong thời hạn 12 tháng, kể từ khi thôi việc tại cơ quan, tổ chức đó;

e) Nêu yêu cầu cụ thể về nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa trong HSMT

4.7. Tiết lộ, tiếp nhận những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 7 Điều 73, khoản 12 Điều 74, điểm i khoản 1 Điều 75, khoản 7 Điều 76, khoản 7 Điều 78, điểm d khoản 2 Điều 92 của Luật đấu thầu:

	<p>a) Nội dung E-HSMT trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung E-HSDT, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng E-HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ E-HSDT của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá E-HSDT trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>đ) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>e) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của pháp luật.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu, bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết;</p> <p>b) Chủ đầu tư, tư vấn giám sát chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc trách nhiệm thực hiện của nhà thầu, trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã kê khai trong hợp đồng.</p> <p>4.9. Tổ chức lựa chọn nhà thầu khi nguồn vốn cho gói thầu chưa được xác định dẫn tới tình trạng nợ đọng vốn của nhà thầu.</p>
<p><b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b></p>	<p>5.1. Hạch toán tài chính độc lập.</p> <p>5.2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.</p> <p>5.3. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>5.4. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.</p> <p>5.5. Đã đăng ký trên Hệ thống và còn hiệu lực hoạt động. Đối với nhà thầu liên danh, tất cả các thành viên trong liên danh phải đáp ứng nội dung này.</p>
<p><b>6. Nội dung của E-HSMT</b></p>	<p>6.1. E-HSMT bao gồm E-TBMT và Phần 1, Phần 2, Phần 3 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p>



	<p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li> </ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</li> </ul> <p><b>Phần 3. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương VI. Điều kiện chung của hợp đồng;</li> <li>- Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</li> <li>- Chương VIII. Biểu mẫu hợp đồng.</li> </ul> <p>6.2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT thay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT.</p>
<p><b>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</b></p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì bên mời thầu phải đăng tải quyết định sửa đổi E-HSMT (kèm theo các nội dung sửa đổi) và E-HSMT đã được sửa đổi cho phù hợp (webform và file đính kèm). Việc sửa đổi phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu tối thiểu 03 ngày làm việc và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh E-HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, nhà thầu gửi đề nghị làm rõ đến bên mời thầu thông qua Hệ thống tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu để xem xét, xử lý. Nội dung làm rõ E-HSMT được bên mời thầu đăng tải lên Hệ thống. Trường hợp sau khi làm rõ dẫn đến sửa đổi E-HSMT thì việc sửa đổi thực hiện theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Hệ thống gửi thông báo sửa đổi E-HSMT, nội dung làm rõ E-HSMT tới địa chỉ email của nhà thầu đã nhấn nút “theo dõi” trong giao diện của E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu cần thường xuyên cập nhật thông tin về sửa đổi, làm rõ E-HSMT trên Hệ thống để bảo đảm cho việc chuẩn bị E-HSDT phù hợp và đáp ứng với yêu cầu của E-HSMT.</p>
<p><b>8. Chi phí dự thầu</b></p>	<p>E-HSMT được phát miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Bên mời thầu đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị E-HSDT. Chi phí nộp E-HSDT là 330.000 VND (đã bao gồm thuế).</p> <p>Trong mọi trường hợp, Bên mời thầu không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>
<p><b>9. Ngôn ngữ của E-HSDT</b></p>	<p>E-HSDT cũng như tất cả thư từ và tài liệu liên quan đến E-HSDT trao đổi giữa nhà thầu với Bên mời thầu được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong E-HSDT có thể được</p>

	<p>viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung theo đường fax, email hoặc bằng văn bản.</p>
<p><b>10. Thành phần của E-HSDT và tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan</b></p>	<p>10.1. E-HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thỏa thuận liên danh đối với trường hợp nhà thầu liên danh theo Mẫu số 06 Chương IV;</li> <li>b) Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 17 E-CDNT;</li> <li>c) Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 15 E-CDNT;</li> <li>d) Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 14 E-CDNT;</li> <li>đ) Đề xuất về giá và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 12 E-CDNT;</li> <li>e) Đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất theo quy định tại Mục 11 E-CDNT;</li> <li>g) Các nội dung khác theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</li> </ul> <p>10.2. Tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Tất cả các hàng hóa và dịch vụ liên quan được coi là hợp lệ nếu có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.</li> <li>b) Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế.</li> </ul> <p>Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là nước hoặc vùng lãnh thổ nơi sản xuất ra toàn bộ hàng hóa hoặc nơi thực hiện công đoạn chế biến cơ bản cuối cùng đối với hàng hóa trong trường hợp có nhiều nước hoặc vùng lãnh thổ tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa đó.</p> <p>Thuật ngữ “các dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, vận hành chạy thử, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, hướng dẫn sử dụng, chuyển giao công nghệ...</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>c) Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại điểm a Mục này, nhà thầu cần nêu rõ xuất xứ của hàng hoá, ký mã hiệu, nhãn mác của hàng hóa và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hoá theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</li> </ul>
<p><b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b></p>	<p>Nhà thầu điền trực tiếp thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Hệ thống tự động trích xuất ra đơn dự thầu cho nhà thầu. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu được Hệ thống trích xuất để hoàn thành E-HSDT.</p>

<p><b>12. Giá dự thầu và giảm giá</b></p>	<p>12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu. Hệ thống sẽ tự động trích xuất giá dự thầu từ Mẫu số 18 và Mẫu số 19 Chương IV vào đơn dự thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giá trị giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu.</p> <p>12.2. Nhà thầu ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hoá” theo Mẫu 18 và Mẫu 19 Chương IV.</p> <p>Trường hợp tại cột “đơn giá dự thầu” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của hàng hoá, dịch vụ này vào các hàng hoá, dịch vụ khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm cung cấp hàng hoá, dịch vụ theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT. Trong mỗi Bảng giá, nhà thầu phải chào theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>12.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT, trường hợp nhà thầu có đơn giá bất thường, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu làm rõ về cơ cấu đơn giá đó theo quy định tại Mục 22E-CDNT.</p> <p>Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p>
<p><b>13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b></p>	<p>Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.</p>
<p><b>14. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</b></p>	<p>14.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của E-HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của E-HSDT để chứng minh rằng hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V.</p> <p>14.2. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của E-HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V.</p>

	<p>14.3. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dụng... cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại <b>E-BDL</b> sau khi hàng hóa được đưa vào sử dụng.</p> <p>14.4. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số Catalogdo Bên mời thầu quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, Catalog khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu kỹ thuật quy định tại Chương V.</p>
<p><b>15. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b></p>	<p>15.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT và để bên mời thầu lưu trữ.</p> <p>15.2. Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>16. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT</b></p>	<p>16.1. E-HSDT có hiệu lực bằng thời gian nêu tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực E-HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp và nhà thầu sẽ được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.</p>
<p><b>17. Bảo đảm dự thầu</b></p>	<p>17.1. Khi tham dự thầu qua mạng, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành. Đối với những ngân hàng, tổ chức tín dụng đã kết nối với Hệ thống, nhà thầu thực hiện bảo lãnh dự thầu qua mạng. Đối với ngân hàng, tổ chức tín dụng chưa có kết nối đến Hệ thống, nhà thầu quét (scan) thư bảo lãnh của ngân hàng và đính kèm khi nộp E-HSDT. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p>

a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 17.1 E-CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì E-HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm một trong các trường hợp quy định tại điểm b Mục 17.3 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;

b) Thành viên đứng đầu liên danh sẽ thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên đứng đầu liên danh. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm một trong các trường hợp quy định tại điểm b Mục 17.3 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của cả liên danh sẽ không được hoàn trả.

17.2. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 17.1 E-CDNT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu.

17.3. Các trường hợp phải nộp bản gốc thư bảo lãnh dự thầu cho bên mời thầu:

a) Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng;

b) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:

- Nhà thầu có văn bản rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT;

- Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 30.1 E-CDNT;

- Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37 E-CDNT;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng.

17.4. Trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của bên mời thầu, nếu nhà thầu từ chối nộp bản gốc thư bảo lãnh

	<p>dự thầu theo yêu cầu của bên mời thầu thì nhà thầu sẽ bị xử lý theo đúng cam kết của nhà thầu trong đơn dự thầu.</p> <p>17.5. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa sau khi nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.</p>
<b>18. Thời điểm đóng thầu</b>	Nhà thầu phải nộp E-HSĐT trên Hệ thống trước thời điểm đóng thầu nêu trong E-TBMT.
<b>19. Nộp, rút và sửa đổi E-HSĐT</b>	<p>19.1. Nộp E-HSĐT: nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSĐT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu qua mạng. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (đại diện liên danh) hoặc thành viên được phân công trong thoả thuận liên danh nộp E-HSĐT.</p> <p>19.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSĐT: trường hợp cần sửa đổi E-HSĐT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSĐT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSĐT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSĐT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSĐT trước khi bên mời thầu thực hiện sửa đổi E-HSMT thì nhà thầu phải nộp lại E-HSĐT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi.</p> <p>19.3. Rút E-HSĐT: nhà thầu được rút E-HSĐT trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà thầu tình trạng rút E-HSĐT (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút E-HSĐT của nhà thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSĐT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<b>20. Mở thầu</b>	<p>20.1. Bên mời thầu tiến hành mở thầu trên Hệ thống ngay sau thời điểm mở thầu. Trường hợp có ít hơn 03 nhà thầu nộp E-HSĐT thì Bên mời thầu mở thầu ngay mà không phải xử lý tình huống theo quy định tại Khoản 4 Điều 117 Nghị định 63. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSĐT, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng.</p> <p>20.2. Biên bản mở thầu được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Tên bên mời thầu;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành mở thầu;</li> <li>- Tổng số nhà thầu tham dự.</li> </ul>

	<p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Giá trị và hiệu lực bảo đảm dự thầu;</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của E-HSĐT;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>- Các thông tin liên quan khác (nếu có).</li> </ul> <p>20.3. Việc mở thầu phải được hoàn thành trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu.</p>
<p><b>21. Bảo mật</b></p>	<p>21.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai khi mở thầu.</p> <p>21.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT theo quy định tại Mục 22 E-CDNT và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p><b>22. Làm rõ E-HSĐT</b></p>	<p>22.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ E-HSĐT theo yêu cầu của bên mời thầu. Theo đó, khi có yêu cầu, nhà thầu nộp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để phục vụ mục đích làm rõ E-HSĐT của bên mời thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong E-HSĐT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSĐT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>22.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSĐT giữa nhà thầu và Bên mời thầu được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>22.3. Việc làm rõ E-HSĐT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có E-HSĐT cần phải làm rõ. Nội dung làm rõ E-HSĐT được Bên mời thầu bảo quản như một phần của E-HSĐT. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không có văn bản làm rõ hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá E-HSĐT của nhà thầu theo E-HSĐT nộp trước thời điểm đóng thầu.</p>

<p><b>23. Xác định tính đáp ứng của E-HSDT</b></p>	<p>23.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của E-HSDT dựa trên nội dung của E-HSDT theo quy định tại Mục 10E-CDNT.</p> <p>23.2. E-HSDT đáp ứng cơ bản là E-HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong E-HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong E-HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với E-HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>23.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của E-HSDT theo quy định tại Mục 14 và Mục 15 E-CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu quy định trong E-HSMT đã được đáp ứng và E-HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>23.3.E-HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong E-HSMT thì E-HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong E-HSDT đó nhằm làm cho nó trở thành đáp ứng cơ bản E-HSMT.</p>
<p><b>24. Sai sót không nghiêm trọng</b></p>	<p>24.1. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong E-HSMT thì Bên mời thầu có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung trong E-HSDT.</p> <p>24.2. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản E-HSMT, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những sai sót không nghiêm trọng trong E-HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ khía cạnh nào của giá dự thầu. Nếu không đáp ứng yêu cầu nói trên của Bên mời thầu thì E-HSDT của nhà thầu có thể sẽ bị loại.</p> <p>24.3. Với điều kiện E-HSDT đáp ứng cơ bản E-HSMT, Bên mời thầu sẽ điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng cho phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.</p>
<p><b>25. Nhà thầu phụ</b></p>	<p>25.1. Nhà thầu chính được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ kê khai theo Mẫu số 16 Chương IV. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu chính. Nhà thầu chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với</p>



	<p>phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí năng lực, kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>Trường hợp trong E-HSDT, nếu nhà thầu chính không đề xuất sử dụng nhà thầu phụ cho một công việc cụ thể hoặc không dự kiến các công việc sẽ sử dụng nhà thầu phụ thì được hiểu là nhà thầu chính có trách nhiệm thực hiện toàn bộ các công việc thuộc gói thầu. Trường hợp trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát hiện việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu chính sẽ được coi là thực hiện hành vi “chuyển nhượng thầu” theo quy định tại Mục 4.8 E-CDNT.</p> <p>25.2. Nhà thầu chính chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm (%) trên giá dự thầu của nhà thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>25.3. Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ, ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong E-HSDT mà không có lý do chính đáng và chưa được Chủ đầu tư chấp thuận được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p>
<p><b>26. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>26.1 Ưu đãi trong Mục này chỉ thực hiện trong trường hợp Bên mời thầu áp dụng quy trình 1 theo Mục 27.2.1 E-CDNT.</p> <p>26.2. Nguyên tắc ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên.</p> <p>26.3. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng E-HSDT:</p> <p>Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên trong giá hàng hóa. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa được tính theo công thức sau đây:</p> $D (\%) = G^*/G (\%)$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>G^*</math>: Là chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí (nếu có);</li> </ul>

	<p>- G: Là giá chào của hàng hóa trong E-HSDT trừ đi giá trị thuế;</p> <p>- D: Là tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa. <math>D \geq 25\%</math> thì hàng hóa đó được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục này.</p> <p>26.4. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p> <p>26.5. Nhà thầu tự khai thông tin để tính ưu đãi đối với hàng hóa mình chào khi tham dự thầu bằng cách đánh dấu nút ưu đãi cạnh mặt hàng đó.</p> <p>26.6. Trường hợp hàng hoá do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p>
<p><b>27. Đánh giá E-HSDT</b></p>	<p>27.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>E-BDL</b> để đánh giá E-HSDT.</p> <p>27.2. Căn cứ vào E-HSDT của các nhà thầu đã nộp trên Hệ thống và phương pháp đánh giá E-HSDT tại mục 27.1 E-CDNT, bên mời thầu chọn quy trình đánh giá E-HSDT dưới đây để đánh giá E-HSDT:</p> <p>27.2.1. Quy trình 1 (áp dụng đối với phương pháp “giá đánh giá” và “giá thấp nhất”):</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về giá theo quy định tại Mục 4 Chương III;</p> <p>- Nhà thầu có E-HSDT không đáp ứng sẽ không được đánh giá ở bước tiếp theo.</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về giá, Bên mời thầu lập danh sách xếp hạng nhà thầu trình Chủ đầu tư phê duyệt. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>28. Thương thảo hợp đồng và đối chiếu tài liệu</b></p>	<p>28.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <p>a) Báo cáo đánh giá E-HSDT;</p> <p>b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p> <p>c) E-HSMT.</p> <p>28.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng: Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của E-HSMT;</p> <p>28.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p>

	<p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, chưa thống nhất giữa E-HSMT và E-HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong E-HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện (nếu có);</p> <p>c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>d) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 24E-CDNT;</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>28.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; E-ĐKCT của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp.</p> <p>28.5. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho bên mời thầu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT. Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại điểm c Mục 4.4 E-CDNT.</p> <p>28.6. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 30.1 E-CDNT.</p>
<p><b>29. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</b></p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>29.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>29.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>29.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>29.4. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>E-BDL</b>;</p> <p>29.5. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt.</p>
<p><b>30. Hủy thầu</b></p>	<p>30.1. Bên mời thầu sẽ thông báo hủy thầu trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có nhà thầu tham dự hoặc tất cả E-HSDT không đáp</p>

	<p>ứng được các yêu cầu nêu trong E-HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong E-HSMT;</p> <p>c) E-HSMT không tuân thủ quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu, dự án;</p> <p>d) Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>30.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu (theo quy định tại điểm c và điểm d Mục 30.1 E-CDNT) phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục 30.1 E-CDNT, trong thời hạn 05 ngày làm việc Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d Mục 30.1 E-CDNT.</p>
<p><b>31. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>31.1. Trong thời hạn quy định tại <b>E-BDL</b>, Bên mời thầu phải gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu cho các nhà thầu tham dự thầu theo đường bưu điện, fax và phải đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số E-TBMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Bên mời thầu;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>- Thời điểm hoàn thành đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu;</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số doanh nghiệp hoặc số Đăng ký kinh doanh của nhà thầu;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> </ul>

	<p>c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Bên mời thầu phải đăng tải các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên hàng hóa;</li> <li>- Công suất;</li> <li>- Tính năng, thông số kỹ thuật; ký, mã hiệu, nhãn mác;</li> <li>- Xuất xứ;</li> <li>- Đơn giá trúng thầu.</li> </ul> <p>31.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 30.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> <p>31.3. Trong văn bản thông báo phải nêu rõ danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p>
<p><b>32. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b></p>	<p>Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu đến Chủ đầu tư, Người có thẩm quyền, Hội đồng tư vấn theo địa chỉ quy định tại <b>E-BDL</b>. Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương XII Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII Nghị định 63.</p>
<p><b>33. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b></p>	<p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo quy định tại <b>E-BDL</b>.</p>
<p><b>34. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ</b></p>	<p>Vào thời điểm trao hợp đồng, Bên mời thầu có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>E-BDL</b> và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của E-HSĐT và E-HSMT.</p>
<p><b>35. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng</b></p>	<p>Đồng thời với thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 23/Chương VIII cho nhà thầu trúng thầu với điều kiện nhà thầu đã được xác minh là đủ năng lực để thực hiện tốt hợp đồng. Thông báo chấp thuận E-HSĐT và thông báo trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 17.3 E-CDNT.</p>

<p><b>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</b></p>	<p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong E-HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Khi đó, Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo sau khi xem xét E-HSDT đã đáp ứng các yêu cầu của E-HSMT vào thương thảo hợp đồng.</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>
<p><b>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b></p>	<p>37.1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với nội dung và yêu cầu như quy định tại Mục 6.1 E-ĐKCT Chương VII. Thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng Mẫu số 23 Chương VIII hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.</li> </ul>

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

<b>E-CDNT 1.1</b>	Tên Bên mời thầu là: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng
<b>E-CDNT 1.2</b>	<p>Tên gói thầu: Lắp đặt Camera tại cửa khẩu Tà Lùng và cửa khẩu Trà Lĩnh</p> <p>Tên dự toán là: Lắp đặt Camera tại cửa khẩu Tà Lùng và cửa khẩu Trà Lĩnh</p> <p>Thời gian thực hiện hợp đồng là: 20 ngày</p>
<b>E-CDNT 3</b>	Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn): Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ được giao năm 2020 tại Quyết định số 2392/QĐ-BQL ngày 31/12/2019 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh
<b>E-CDNT 5.3</b>	<p>Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên mời thầu: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng, địa chỉ: số 52 Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, điện thoại: 02063.854.529</li> <li>- Chủ đầu tư: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng, địa chỉ: số 52 Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, điện thoại: 02063.854.529</li> </ul> </li> </ul> <p>trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu tham dự thầu thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói thầu là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời thầu, là đầu ra của nhà thầu tham dự thầu, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tư vấn lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế, dự toán;</li> <li>+ Tư vấn lập, thẩm định E-HSMT;</li> <li>+ Tư vấn lập E-HSMT, đánh giá E-HSDT: Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng</li> </ul> </li> </ul> <p>Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bên mời thầu: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng, địa chỉ: số 52 Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, điện thoại: 02063.854.529</li> <li>- Chủ đầu tư: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng, địa chỉ: số 52 Kim Đồng, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, điện thoại: 02063.854.529</li> </ul>
<b>E-CDNT</b>	Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: Các tài

<b>10.1(g)</b>	liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa quy định tại E-CDNT 10.2(c).
<b>E-CDNT 10.2(c)</b>	<p>Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hoá:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có thuyết minh hoặc Catalog thể hiện rõ các thông số kỹ thuật, xuất xứ, hình ảnh các sản phẩm kèm theo.</li> <li>- Cam kết hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng</li> <li>- Nhà thầu phải có văn bản cam kết: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hàng hóa do nhà thầu chào hàng trong hồ sơ dự thầu đảm bảo về mặt kỹ thuật, chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ. Thiết bị, máy móc do nhà thầu cung cấp đảm bảo mới 100% sản xuất từ năm 2019 trở về thời điểm hiện nay.</li> <li>+ Các thiết bị lắp đặt nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> <li>+ Hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp và hỗ trợ dịch vụ sau bán hàng đối với các sản phẩm mà nhà thầu cung cấp cho gói thầu.</li> <li>+ Cung cấp hàng hóa theo đúng tiến độ chào thầu.</li> </ul> </li> </ul>
<b>E-CDNT12.2</b>	<p>Trong bảng giá, nhà thầu phải chào giá theo các yêu cầu sau: Giá của hàng hóa đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 18 Chương IV, ngoài ra giá chào còn phải bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt tại địa điểm do Chủ đầu tư chỉ định. Nếu hàng hóa có dịch vụ liên quan kèm theo thì nhà thầu chào các chi phí cho các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu và đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có) theo Mẫu số 19 Chương IV.</p>
<b>E-CDNT 14.3</b>	<p>Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng...): <math>\geq</math> Tối thiểu 01 năm.</p>
<b>E-CDNT 15.2</b>	<p>Các tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu bao gồm:</p> <p>Nhà thầu phải là đại lý có giấy chứng nhận và có trung tâm bảo hành ủy quyền của nhà sản xuất tại Cao Bằng đối với mặt hàng Camera và máy vi tính để bàn có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác được quy định tại Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật</p>
<b>E-CDNT 17.1</b>	<p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 5.000.000 VND (Năm triệu đồng chẵn)</li> <li>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: <math>\geq</math>70 ngày kể từ ngày đóng thầu</li> </ul>
<b>E-CDNT 25.2</b>	<p>Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 10% giá dự thầu của nhà thầu.</p>



<b>E-CDNT 26.4</b>	Cách tính ưu đãi: Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu của nhà thầu để so sánh, xếp hạng.
<b>E-CDNT 27.1</b>	Phương pháp đánh giá E-HSDT là: a) Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt - Không đạt b) Đánh giá về kỹ thuật: Đạt - Không đạt c) Đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất
<b>E-CDNT 27.2.1đ</b>	Xếp hạng nhà thầu: Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng nhất
<b>E-CDNT 29.4</b>	<i>Nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất</i>
<b>E-CDNT 31.1</b>	Thời hạn đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống là <b>07 ngày làm việc</b> , kể từ ngày Chủ đầu tư phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.
<b>E-CDNT 32</b>	- Cấp quyết định đầu tư: UBND tỉnh Cao Bằng; Địa chỉ: Phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng. - Chủ đầu tư: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng; Địa chỉ: Phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. - Địa chỉ của bộ phận thường trực giúp việc Hội đồng tư vấn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng, Số 030, phố Xuân Trường, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
<b>E-CDNT 33</b>	Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát: Sở Kế hoạch và Đầu tư Cao Bằng, Số 030, phố Xuân Trường, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.
<b>E-CDNT 34</b>	Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%. Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%.

## **Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

### **Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT**

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 17.2 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam ký tên với giá trị và thời hạn hiệu lực, tên của Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng) theo quy định tại Mục 17.1 E-CDNT;

2. Không có tên trong hai hoặc nhiều E-HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu.

3. Có thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể, ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm của thành viên đại diện liên danh sử dụng chứng thư số của mình để tham dự thầu, thực hiện bảo đảm dự thầu;

Trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh, thỏa thuận liên danh thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu, thỏa thuận liên danh để đánh giá. Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

4. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Đối với nhà thầu liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà thầu liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu chính. Bản thân nhà thầu chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn đánh giá quy định dưới đây, nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá.

#### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:**

Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống.

#### **2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:**

Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt thực hiện theo Mẫu số 04 Chương IV. Biểu mẫu này được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống.

### **Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để đánh giá.

Nội dung đánh giá						Đạt/Không đạt
1. Các loại vật tư, thiết bị chào thầu	- Nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của các hàng hóa quy định tại Mục 2, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật					<b>Đạt</b>
	- Không nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của các hàng hóa quy định tại Mục 2, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật					<b>Không đạt</b>
2. Tiêu chuẩn hàng hoá	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cam kết hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng của nhà thầu.</li> <li>- Có cam kết cung cấp: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hàng hóa do nhà thầu chào hàng trong hồ sơ dự thầu đảm bảo về mặt kỹ thuật, chất lượng, nguồn gốc, xuất xứ. Nhà thầu phải cung cấp thư uỷ quyền hợp lệ, đồng thời cam kết hàng hóa được sản xuất trong năm 2019 trở lại đây và dự trữ linh kiện trong toàn thời gian bảo hành của Nhà sản xuất kèm theo (Yêu cầu có bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực).</li> <li>+ Các thiết bị lắp đặt nguyên đai, nguyên kiện, đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li> <li>+ Hỗ trợ kỹ thuật, cung cấp và hỗ trợ dịch vụ sau bán hàng đối với các sản phẩm mà nhà thầu cung cấp cho gói thầu.</li> <li>+ Cung cấp hàng hóa theo đúng tiến độ chào thầu.</li> </ul> </li> </ul>					<b>Đạt</b>
	Không có, hoặc có nhưng không đầy đủ, nội dung không đáp ứng các tiêu chí nêu trên.					<b>Không đạt</b>
3. Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn hàng hoá	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa hoàn toàn phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT quy định tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật					<b>Đạt</b>
	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa không phù hợp, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT quy định tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật					<b>Không đạt</b>
4. Tài liệu kỹ thuật (Catalog, hình ảnh)	Có thuyết minh hoặc Catalog thể hiện rõ các thông số kỹ thuật, xuất xứ, hình ảnh các hàng hóa phù hợp với hàng hóa nhà thầu chào thầu					<b>Đạt</b>
	Không kèm theo thuyết minh hoặc Catalog thể hiện rõ các thông số kỹ thuật, xuất xứ, hình ảnh các hàng hóa chào thầu, hoặc thuyết minh, Catalog không phù hợp với hàng hóa nhà thầu chào thầu.					<b>Không đạt</b>
5. Hàng mẫu hoàn thiện (Không hoàn trả hàng mẫu, tất cả chi phí liên quan đến hàng mẫu nhà	Nhà thầu phải nộp hàng mẫu đối với các loại hàng hoá sau:					<b>Đạt</b>
	<b>STT</b>	<b>Tên hàng mẫu</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tiêu chuẩn kỹ thuật</b>	
	1	Camera thân trụ, chuẩn nén Ultra265	cái	01	Xem tại Mục 2, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật	
2	Camera Speed dome, chuẩn nén Ultra265	cái	01			

Nội dung đánh giá					Đạt/Không đạt	
thầu chịu)	3	Đầu ghi hình camera IP 16 kênh và 32 kênh	cái	01		
	4	Phần mềm nhận dạng biển số xe và đếm lưu lượng xe	bộ	01		
	5	Máy vi tính để bàn	bộ	01		
	Yêu cầu đối với hàng mẫu: - Hàng mẫu còn nguyên trong bao bì, không rách, có đầy đủ nhãn mác-kí hiệu. - Từng mẫu được ghi tên nhà thầu, tên mẫu (ghi tên nhà thầu trên mẫu để tránh nhầm lẫn khi đánh giá mẫu). - Tất cả hàng mẫu bỏ vào trong thùng riêng, có ghi tên nhà thầu.					
Nhà thầu không gửi hàng mẫu, gửi không đủ số lượng, mẫu không đạt yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật theo E-HSMT thì sẽ bị đánh giá là không đạt yêu cầu					<b>Không đạt</b>	
6. Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, hệ thống quản lý chất lượng cho gói thầu, biện pháp bảo đảm chất lượng thi công lắp đặt, phù hợp với gói thầu.					<b>Đạt</b>
	Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, hệ thống quản lý chất lượng cho gói thầu, biện pháp bảo đảm chất lượng thi công lắp đặt, phù hợp với gói thầu.					<b>Không đạt</b>
7. Tiến độ cung cấp và lắp đặt hàng hóa	$\leq 20$ ngày.					<b>Đạt</b>
	$> 20$ ngày					<b>Không đạt</b>
8. Bảo hành, bảo trì, cung cấp phụ tùng thay thế	Có cam kết bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo thời gian bảo hành các hàng hóa cung cấp $\geq 12$ tháng ( $\geq 13$ tháng đối với Máy tính để bàn). Cam kết bảo trì sau thời gian bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 24 tháng tiếp theo. Đối với các mặt hàng Camera và máy vi tính để bàn: Nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận và có trung tâm bảo hành ủy quyền của nhà sản xuất tại Cao Bằng.					<b>Đạt</b>
	Không có cam kết bảo hành theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, thời gian bảo hành $< 12$ tháng ( $< 13$ tháng đối với Máy tính để bàn), bảo trì sau thời gian bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 24 tháng tiếp theo. Nhà thầu không cung cấp giấy chứng nhận và không có trung tâm bảo hành ủy quyền của nhà sản xuất tại Cao Bằng đối với các mặt hàng Camera và máy vi tính để bàn					<b>Không đạt</b>

Nội dung đánh giá		Đạt/Không đạt
9. Các yếu tố về hướng dẫn sử dụng và xử lý sự cố	Có cam kết đào tạo hướng dẫn sử dụng thành thạo các thiết bị cho người sử dụng. Có cam kết trong vòng 24h khi nhận được thông tin thiết bị có sự cố bằng fax hoặc mail, nhân viên của Công ty sẽ có mặt tại nơi lắp thiết bị để khắc phục.	<b>Đạt</b>
	Không có cam kết.	<b>Không đạt</b>

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi: Tất cả các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá tiếp.

**\* Ghi chú:**

**1. Địa chỉ nộp hàng mẫu:**

- Người nhận: Lê Hải Định, SĐT: 0947.078.383

- Địa chỉ: Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng Cao Bằng, Km3 Nà Cáp, phường Sông Hiến, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng

**2. Thời gian gửi mẫu: Trong giờ hành chính, trước thời điểm đóng thầu.**

**Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về giá**

**Phương pháp giá thấp nhất:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 26 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

## Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

Stt	Biểu mẫu	Cách thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Bên mời thầu	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp	Số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống	X	
2	Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan		X	
3	Mẫu số 02. Bảng tiến độ cung cấp		X	
4	Mẫu số 03. Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm		X	
5	Mẫu số 04. Yêu cầu nhân sự chủ chốt		X	
6	Mẫu số 05. Giấy ủy quyền	scan và đính kèm khi nộp E-HSDT		X
7	Mẫu số 06. Thỏa thuận liên danh			X
8	Mẫu số 07A. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập</i> )			X
9	Mẫu số 07B. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh</i> )			X
10	Mẫu số 08. Đơn dự thầu	số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống		X
11	Mẫu số 09. Phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh			X
12	Mẫu số 10A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện			X
13	Mẫu số 10B. Mô tả tính chất tương tự của hợp đồng			X
14	Mẫu số 11A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
15	Mẫu số 11B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
16	Mẫu số 11C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn		X	

17	Mẫu số 12. Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ			<b>X</b>
18	Mẫu số 13. Tình hình tài chính của nhà thầu			<b>X</b>
19	Mẫu số 14. Nguồn lực tài chính			<b>X</b>
20	Mẫu số 15. Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện			<b>X</b>
21	Mẫu số 16. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			<b>X</b>
22	Mẫu số 17. Bảng tiến độ thực hiện			<b>X</b>
23	Mẫu số 18. Bảng giá dự thầu của hàng hóa			<b>X</b>
24	Mẫu số 19. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan			<b>X</b>
25	Mẫu số 20. Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi			<b>X</b>

**PHẠM VI CUNG CẤP**

*Bên mời thầu liệt kê chi tiết danh mục các hàng hóa yêu cầu cung cấp. Trong đó cần nêu rõ danh mục hàng hóa với số lượng, chủng loại yêu cầu và các mô tả, diễn giải chi tiết (nếu cần thiết).*

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Mô tả hàng hóa <sup>(1)</sup>	Ghi chú
1	Đầu ghi hình Camera IP 16 kênh chuẩn nén Ultra265		2,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
2	Đầu ghi hình Camera IP camera 32 kênh		1,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
3	Camera thân trụ chuẩn nén Ultra265		4,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
4	Camera Speed dome chuẩn nén Ultra265		2,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
5	Nguồn Camera 12V2A liền hộp kỹ thuật		8,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
6	Ổ cứng lưu trữ		6,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
7	Dây HDMI chiều dài 3m		2,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
8	Dây Camera liền nguồn		800,0000	m	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
9	Bộ chia mạng Switch		8,0000	Bộ	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
10	Tủ kỹ thuật		5,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
11	Chân đế Camera Speed Dome		4,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
12	Bộ chuyển đổi Internet kỹ thuật số.		8,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	



<b>STT</b>	<b>Danh mục hàng hóa</b>	<b>Ký mã hiệu</b>	<b>Khối lượng mời thầu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Mô tả hàng hóa <sup>(1)</sup></b>	<b>Ghi chú</b>
13	Dây cáp quang ngoài trời		8.800,0000	m	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
14	Phần mềm nhận dạng biển số xe và đếm lưu lượng xe		4,0000	Bộ	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
15	Cột tín hiệu giao thông làm bằng thép mạ kẽm.		2,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
16	Máy vi tính để bàn		2,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	
17	Khung móng thép mạ kẽm		2,0000	Cái	Theo mục 2 Chương V – yêu cầu kỹ thuật	

**CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN <sup>(1)</sup>**

*Bên mời thầu liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:*

<b>STT</b>	<b>Mô tả dịch vụ</b>	<b>Khối lượng mời thầu<sup>(2)</sup></b>	<b>Đơn vị tính <sup>(3)</sup></b>	<b>Địa điểm thực hiện dịch vụ</b>	<b>Ngày hoàn thành dịch vụ</b>
1					

*Ghi chú:*

- (1) Trường hợp gói thầu không có yêu cầu dịch vụ liên quan thì Bên mời thầu không nhập Biểu này trên Hệ thống.*
- (2) Trường hợp dịch vụ liên quan là dịch vụ trọn gói thì cột "Khối lượng mời thầu" điền giá trị "1".*
- (3) Trường hợp dịch vụ liên quan là dịch vụ trọn gói thì cột "Đơn vị tính" điền giá trị "lần".*

## BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

<b>Thời gian thực hiện hợp đồng</b>	<b>20 ngày</b>
-------------------------------------	----------------

*Trường hợp cần bảng tiến độ cung cấp chi tiết cho từng loại hàng hóa thì Bên mời thầu lập thành biểu dưới đây, trong đó nêu rõ tên hàng hóa với số lượng yêu cầu, địa điểm và tiến độ cung cấp cụ thể. Hàng hóa có thể được yêu cầu cung cấp thành một hoặc nhiều đợt khác nhau tùy theo yêu cầu của gói thầu.*

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm cung cấp	Tiến độ cung cấp theo yêu cầu của bên mời thầu <sup>(1)</sup>
1	Đầu ghi hình Camera IP 16 kênh chuẩn nén Ultra265	2,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
2	Đầu ghi hình Camera IP camera 32 kênh	1,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
3	Camera thân trụ chuẩn nén Ultra265	4,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
4	Camera Speed dome chuẩn nén Ultra265	2,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
5	Nguồn Camera 12V2A liền hộp kỹ thuật	8,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh,	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm cung cấp	Tiến độ cung cấp theo yêu cầu của bên mời thầu <sup>(1)</sup>
				tỉnh Cao Bằng	đưa vào sử dụng
6	Ổ cứng lưu trữ	6,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
7	Dây HDMI chiều dài 3m	2,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
8	Dây Camera liền nguồn	800,0000	m	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
9	Bộ chia mạng Switch	8,0000	Bộ	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
10	Tủ kỹ thuật	5,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
11	Chân đế Camera Speed Dome	4,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
12	Bộ chuyển đổi Internet kỹ thuật số.	8,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
13	Dây cáp quang ngoài trời	8.800,0000	m	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh,	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng mời thầu	Đơn vị	Địa điểm cung cấp	Tiến độ cung cấp theo yêu cầu của bên mời thầu <sup>(1)</sup>
				tỉnh Cao Bằng	đưa vào sử dụng
14	Phần mềm nhận dạng biển số xe và đếm lưu lượng xe	4,0000	Bộ	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
15	Cột tín hiệu giao thông làm bằng thép mạ kẽm.	2,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
16	Máy vi tính để bàn	2,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng
17	Khung móng thép mạ kẽm	2,0000	Cái	Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Nhà thầu thực hiện đầy đủ các công việc để hệ thống đưa vào sử dụng

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ				Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh			
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	Tối thiểu một thành viên liên danh	
1	<b>Lịch sử không hoàn thành hợp đồng</b>	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng không hoàn thành	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 12
2	<b>Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự</b>	Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong vòng 3 năm trở lại đây (tính đến thời điểm đóng thầu): <b>01 hợp đồng</b> <b>Ghi chú: Hợp đồng tương tự là hợp đồng cung cấp, lắp đặt camera.</b>  (i) số lượng hợp đồng là 01, mỗi hợp đồng có giá trị tối thiểu là <b>400.000.000 đồng</b>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	Mẫu số 10A, 10B
3	<b>Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác</b>	Nhà thầu phải có đại lý hoặc đại diện có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác theo các yêu cầu như sau: Nhà thầu phải có nhà máy sản xuất thiết bị lò đốt rác chính quy đặt tại khu công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam hoặc là đại lý hoặc đại diện ủy quyền có khả năng sẵn sàng thực hiện các nghĩa vụ của nhà thầu <sup>(6)</sup> như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế <sup>(7)</sup> hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng <sup>(8)</sup> khác theo các yêu cầu như sau:	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Không áp dụng	

		<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Bảo hành: Có cam kết bảo hành các hàng hóa cung cấp <math>\geq 12</math> tháng (<math>\geq 13</math> tháng đối với Máy tính để bàn);</li> <li>+ Bảo trì: Cam kết bảo trì sau thời gian bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế và vật tư tiêu hao trong vòng tối thiểu 24 tháng tiếp theo;</li> <li>+ Thời gian sửa chữa, khắc phục các hư hỏng, sai sót chậm nhất 07 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ đầu tư.</li> <li>+ Đối với các mặt hàng Camera và máy vi tính để bàn: Nhà thầu phải cung cấp giấy chứng nhận và có trung tâm bảo hành ủy quyền của nhà sản xuất tại Cao Bằng</li> </ul>				
--	--	--	--	--	--	--

Hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự là hợp đồng trong đó hàng hóa được cung cấp tương tự với hàng hóa của gói thầu đang xét và đã hoàn thành, bao gồm:

- Tương tự về chủng loại, tính chất: có cùng chủng loại, tương tự về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng với hàng hóa của gói thầu đang xét;
- Tương tự về quy mô: có giá trị hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của gói thầu đang xét.

Trường hợp trong E-HSMT yêu cầu nhà thầu đã thực hiện từ hai hợp đồng tương tự trở lên thì nhà thầu phải đáp ứng tối thiểu một hợp đồng với quy mô, tính chất tương tự gói thầu đang xét. Quy mô của các hợp đồng tương tự tiếp theo được xác định bằng cách cộng các hợp đồng có quy mô nhỏ hơn nhưng phải bảo đảm các hợp đồng đó có tính chất tương tự với các hạng mục cơ bản của gói thầu đang xét.

Đối với các gói thầu có tính chất đặc thù hoặc ở các địa phương mà năng lực của nhà thầu trên địa bàn còn hạn chế, có thể yêu cầu giá trị của hợp đồng trong khoảng 50% đến 70% giá trị của gói thầu đang xét, đồng thời vẫn phải yêu cầu nhà thầu bảo đảm có hợp đồng sản xuất hàng hóa tương tự về chủng loại và tính chất với hàng hóa của gói thầu.

Hoàn thành phần lớn nghĩa là hoàn thành ít nhất 80% khối lượng công việc của hợp đồng.

- Ưu tiên nhà thầu có kinh nghiệm, có hợp đồng cung cấp, lắp đặt thiết bị tương tự tại nước ngoài;
- Ưu tiên nhà thầu có công nghệ hệ thống lò đốt rác thải được thẩm định của các sở/ban ngành liên quan đến công nghệ áp dụng

**YÊU CẦU NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Tuỳ theo quy mô, tính chất của gói thầu có thể quy định nhà thầu phải đề xuất các nhân sự chủ chốt thực hiện các công việc của gói thầu như: lắp đặt; hướng dẫn chạy thử, vận hành; đào tạo, chuyển giao công nghệ... Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về nhân sự chủ chốt, trong E-HSDT nhà thầu phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

<b>STT</b>	<b>Vị trí công việc</b>	<b>Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu _ năm)</b>	<b>Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu _ năm)</b>	<b>Trình độ chuyên môn (trình độ tối thiểu _)</b>
1	Nhân sự điều hành thi công lắp đặt: - Số lượng: $\geq 01$ người.	01	01	- Kỹ sư chuyên ngành Công nghệ thông tin, điện tử viễn thông, tin học hoặc các ngành tương đương. - Đã tham gia ít nhất 01 gói thầu cung cấp, lắp đặt camera.

Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 11A, 11B và 11C Chương IV



**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_\_\_\_ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại \_\_\_\_ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_ [ghi tên dự án] do \_\_\_\_ [ghi tên Bên mời thầu] tổ chức:

[Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham gia đấu thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-HSMT và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư nếu được lựa chọn<sup>(2)</sup>.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]. \_\_\_\_ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, Bên mời thầu giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

[ghi tên, chức danh, ký tên và  
đóng dấu (nếu có)]

**Người ủy quyền**

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của  
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì scan bản gốc giấy ủy quyền đính kèm cùng E-HSDT. Bản gốc của giấy ủy quyền phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục và được người đại diện theo pháp luật của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia đấu thầu.

**THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_[ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_[ghi tên dự án]

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_[Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội];

Căn cứ<sup>(2)</sup> \_\_\_\_\_[Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

Căn cứ E-HSMT \_\_\_\_\_[ghi tên gói thầu] ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_[ngày được ghi trên E-HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_[ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_(trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_[ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_\_[ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp

trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

## **Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

### **1. Thành viên đứng đầu liên danh:**

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau<sup>(3)</sup>:

*[-Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ E-HSMT và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Thành viên sử dụng chứng thư số để tham dự thầu là: \_\_\_\_ [ghi tên thành viên được phân công sử dụng chứng thư số].

3. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây<sup>(4)</sup>:

<b>STT</b>	<b>Tên</b>	<b>Nội dung công việc đảm nhận</b>	<b>Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu</b>
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....	....	....	.....
<b>Tổng cộng</b>		<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
  - Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] thuộc dự án \_\_\_\_ [*ghi tên dự án*] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐÚNG ĐẦU LIÊN DANH**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

*[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu](sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/E-TBMT số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_ tháng \_\_\_ năm \_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 30.1 E-CDNT của E-HSMT;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả

kháng;

5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT trong E-HSMT.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến địa chỉ của chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 17.1 **E-BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại **E\_TBMT**.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

**Bên thụ hưởng:**\_\_\_[ghi tên và địa chỉ của Bên mời thầu]

**Ngày phát hành bảo lãnh:**\_\_\_[ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:**\_\_\_[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:**\_\_\_[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu [ghi tên gói thầu] thuộc dự án [ghi tên dự án] theo Thư mời thầu/E-TBMT số [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà thầu rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT;
2. Nhà thầu vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d Mục 30.1 E-CDNT của E-HSMT;
3. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.



Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_\_\_ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 17.3 E-CDNT của E-HSMT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến địa chỉ của chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Khuyến khích các ngân hàng sử dụng theo Mẫu này, trường hợp sử dụng theo mẫu khác mà vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 17.1 E-CDNT, không đúng tên Bên mời thầu (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu trong trường hợp này được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 17.1 **E-BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại **E-TBMT**.

**ĐƠN DỰ THẦU <sup>(1)</sup>**

Ngày:\_\_\_[tự trích xuất theo thời gian trên Hệ thống]

Tên gói thầu:\_\_\_[tự trích xuất theo tên gói thầu trong E-TBMT]

Kính gửi:\_\_\_[tự trích xuất theo tên Bên mời thầu trong E-TBMT]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu:\_\_\_[tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];

- Số đăng ký kinh doanh:\_\_\_[tự trích xuất theo thông tin nhà thầu đã đăng ký trên Hệ thống];

cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_[tự trích xuất tên gói thầu theo thông tin trong E-TBMT] với các thông tin chính như sau:

- Số E-TBMT:\_\_\_[tự trích xuất theo số E-TBMT trong E-TBMT];

- Thời điểm đóng thầu:\_\_\_[tự trích xuất theo thời điểm đóng thầu trong E-TBMT];

theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với tổng số tiền là \_\_\_[Hệ thống tự tổng hợp khi nhà thầu điền giá chào trong các biểu mẫu dự thầu trên Hệ thống] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là\_\_\_[Ghi tỷ lệ giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là:\_\_\_\_\_ [Hệ thống tự động tính].

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_ [tự trích xuất từ biểu mẫu dự thầu].

Hiệu lực của E-HSMT:\_\_\_ [Hệ thống trích xuất từ E-TBMT]

Bảo đảm dự thầu:\_\_\_[ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu:\_\_\_ [ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu]

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một E-HSMT này với tư cách là nhà thầu chính hoặc đại diện liên danh trong trường hợp nhà thầu có liên danh.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình

trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

5. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực.

Nếu E-HSĐT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 E-CDNT của E-HSMT.

6. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của chủ đầu tư quy định tại Mục 17.3 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 6 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu đã được ký bằng chữ ký số của đại diện hợp pháp của nhà thầu khi nhà thầu nộp thầu qua mạng.

**PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN CÔNG VIỆC TRONG THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu liên danh: \_\_\_\_\_

STT	Tên	Mã số doanh nghiệp	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		- ____	- ____%
2	Tên thành viên thứ 2		- ____	- ____%
....	....		....	.....
<b>Tổng cộng</b>			<b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b>	<b>100%</b>

Ghi chú:

Nhà thầu nhập theo thỏa thuận liên danh đã ký kết.

**HỢP ĐỒNG TƯỞNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ/Điện thoại/fax/E-mail:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]</i> <i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>		

Nhà thầu phải chuẩn bị các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...) để đối chiếu trong quá trình thương thảo.

Ghi chú : (1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

**MÔ TẢ TÍNH CHẤT TƯƠNG TỰ CỦA HỢP ĐỒNG <sup>(1)</sup>**

*[Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây]*

<b>STT</b>	<b>Tên và số hợp đồng</b>	<b>Loại hàng hóa</b> <i>[ghi thông tin phù hợp]</i>	<b>Về giá trị</b> <i>[ghi số tiền bằng VND]</i>	<b>Về quy mô thực hiện</b> <i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>	<b>Các đặc tính khác</b> <i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>
<b>1</b>	<i>Ghi tên và số hợp đồng tương tự 1</i>				
<b>2</b>	<i>Ghi tên và số hợp đồng tương tự 2</i>				
...					
<b>n</b>	<i>Ghi tên và số hợp đồng tương tự n</i>				

Ghi chú:

*(1) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu*

**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Đối với từng vị trí công việc quy định tại Mẫu này thì nhà thầu phải kê khai các thông tin chi tiết theo Mẫu số 11B và Mẫu số 11C Chương này

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt có năng lực phù hợp đáp ứng các yêu cầu quy định tại Mục 2.2 Chương III và có thể sẵn sàng huy động cho gói thầu; không được kê khai những nhân sự đã huy động cho gói thầu khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà thầu sẽ bị đánh giá là gian lận.

STT	Họ và Tên	Vị trí công việc
1	<i>[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2	<i>[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
...		
n	<i>[ghi tên nhân sự chủ chốt n]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>

**BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Thông tin nhân sự					Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]									
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]									
...										
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]									

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan) trong quá trình thương thảo hợp đồng.



**BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/ Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1		...	...	...
2				
...	...			

**HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ (1)**

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III.

Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm\_\_ [trích xuất từ Mẫu số 03] theo quy định tại tiêu chí đánh giá trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III.

Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 01 tháng 01 năm\_\_ [trích xuất từ Mẫu số 03] theo quy định tại tiêu chí đánh giá trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương III.

STT	Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Chủ đầu tư	Địa chỉ	Nguyên nhân	Tổng giá trị hợp đồng
1							
2							
...							

*Ghi chú:*

*(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà thầu nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và E-HSDT sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên kê khai theo Mẫu này.*

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**  
*(Số liệu tài chính cho \_\_\_\_ năm gần nhất<sup>(2)</sup> [VND])*

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

**Thông tin từ Bảng cân đối kế toán**

Năm	Tổng tài sản	Tổng nợ	Giá trị tài sản ròng	Tài sản ngắn hạn	Nợ ngắn hạn	Vốn lưu động
Năm 1						
Năm 2						
Năm 3						

**Thông tin từ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Năm	Tổng doanh thu	Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh <sup>(3)</sup>	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
Năm 1				
Năm 2				
Năm 3				

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
- (2) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Mẫu số 03 Chương IV.

Nhà thầu chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu trong quá trình thương thảo:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành. Kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH<sup>(1)</sup>**

Nêu rõ các nguồn tài chính dự kiến, chẳng hạn như các tài sản có khả năng thanh khoản cao<sup>(2)</sup>, các hạn mức tín dụng và các nguồn tài chính khác (không phải là các khoản tạm ứng theo hợp đồng) có sẵn để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính được nêu trong Mẫu 15 – Nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện

STT	Nguồn tài chính	Số tiền (VND)
1		
2		
3		
...		
<b>Tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (TNL)</b>		

Ghi chú:

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin về nguồn lực tài chính của mình, kèm theo tài liệu chứng minh.

Nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu được tính theo công thức sau:

$$NLTC = TNL - ĐTH$$

Trong đó:

- NLTC là nguồn lực tài chính mà nhà thầu dự kiến huy động để thực hiện gói thầu;
- TNL là tổng nguồn lực tài chính của nhà thầu (tổng nguồn lực tài chính quy định tại Mẫu này);
- ĐTH là tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (quy định tại Mẫu số 15).

Nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu nếu có nguồn lực tài chính dự kiến huy động để thực hiện gói thầu (NLTC) tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 2.3 Mẫu số 03 Chương IV.

Trường hợp trong E-HSDT, nhà thầu có nộp kèm theo bản cam kết tín dụng của tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, trong đó cam kết sẽ cung cấp tín dụng cho nhà thầu để thực hiện gói đang xét với hạn mức tối thiểu bằng giá trị yêu cầu tại tiêu chí đánh giá 2.3 Mẫu số 03 Chương IV trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng thì nhà thầu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu và không phải kê khai thông tin theo quy định Mẫu này và Mẫu số 15.

(2) Tài sản có khả năng thanh khoản cao là tiền mặt và tương đương tiền mặt, các công cụ tài chính ngắn hạn, các chứng khoán sẵn sàng để bán, chứng khoán dễ bán, các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu tài chính ngắn hạn và các tài sản khác mà có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng một năm.

**NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH HÀNG THÁNG CHO CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN<sup>(1)</sup>**

STT	Tên hợp đồng	Người liên hệ của Chủ đầu tư (địa chỉ, điện thoại, fax)	Ngày hoàn thành hợp đồng	Thời hạn còn lại của hợp đồng tính bằng tháng (A) <sup>(2)</sup>	Giá trị hợp đồng chưa thanh toán, bao gồm cả thuế	Yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng
					(B) <sup>(3)</sup>	(B/A)
1						
2						
3						
...						
<b>Tổng yêu cầu về nguồn lực tài chính hàng tháng cho các hợp đồng đang thực hiện (ĐTH).</b>						

**Ghi chú:**

(1) Từng nhà thầu hoặc thành viên liên danh phải cung cấp thông tin được nêu dưới đây để tính toán tổng các yêu cầu về nguồn lực tài chính, bằng tổng của: (i) các cam kết hiện tại của nhà thầu (hoặc từng thành viên liên danh) trong tất cả các hợp đồng mà nhà thầu (hoặc từng thành viên liên danh) đang thực hiện hoặc sẽ được thực hiện; (ii) yêu cầu về nguồn lực tài chính đối với hợp đồng đang xét theo xác định của Chủ đầu tư. Ngoài ra, nhà thầu cũng phải cung cấp thông tin về bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến việc thực hiện hợp đồng đang xét nếu nhà thầu được trao hợp đồng.

(2) Thời hạn còn lại của hợp đồng tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

(3) Giá trị hợp đồng còn lại chưa được thanh toán tính tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>**

STT	Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup>	Phạm vi công việc <sup>(3)</sup>	Khối lượng công việc <sup>(4)</sup>	Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup>	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup>
1					
2					
3					
4					
...					

*Ghi chú:*

*(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ thì kê khai theo Mẫu này.*

*(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì ghi "Nhà thầu phụ 1,2,3..." vào cột này và phải kê khai các cột còn lại theo đúng yêu cầu. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.*

*(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.*

*(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.*

*(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.*

*(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận.*



**BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP**

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Bên mời thầu

<b>STT</b>	<b>Thời gian thực hiện hợp đồng theo yêu cầu của bên mời thầu</b>	<b>Thời gian thực hiện hợp đồng do nhà thầu đề xuất</b>
	<i>Trích xuất từ E-TBMT</i>	

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA**

STT	Danh mục hàng hóa	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Ký mã hiệu/ nhãn mác sản phẩm	Xuất xứ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 4 x 7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá thứ 1						M1
2	Hàng hoá thứ 2						M2
	....						
n	Hàng hoá thứ n						Mn
<b>Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>							<b>(M)</b>

*Ghi chú:*

- Các cột (5), (6): nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu
- Cột (7) nhà thầu điền đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí).
- Cột (8) Hệ thống tự tính.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

ST T	Mô tả dịch vụ	Khối lượng mời thầu	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Ngày hoàn thành dịch vụ	Đơn giá dự thầu	Thành tiền
							(Cột 3 x 7)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Ghi nội dung dịch vụ 1						I1
2	Ghi nội dung dịch vụ 2						I2
..							
n	Ghi nội dung dịch vụ n						In
<b>Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>							<b>(I)</b>

Ghi chú: Cột (7) nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí).

Cột (8) Hệ thống tự tính.

**BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI<sup>(1)</sup>**

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại <sup>(2)</sup>	Kê khai các chi phí nhập ngoại <sup>(3)</sup>	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
1	Hàng hoá thứ 1					
2	Hàng hoá thứ 2					
...	...					
n	Hàng hoá thứ n					

Ghi chú:

(1) Trường hợp hàng hóa không thuộc đối tượng ưu đãi thì nhà thầu không phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Giá trị thuế các loại (trong đó bao gồm thuế nhập khẩu đối với các linh kiện, thiết bị cấu thành hàng hoá nhập khẩu, thuế VAT và các loại thuế khác phải trả cho hàng hoá)

(3) Kê khai các chi phí nhập ngoại trong hàng hóa bao gồm các loại phí, lệ phí (nếu có)

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

#### 1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu

\* **Gói thầu:**

- Tên gói thầu: Lắp đặt Camera tại cửa khẩu Tà Lùng và cửa khẩu Trà Lĩnh
- Nguồn vốn: Nguồn kinh phí không thực hiện tự chủ được giao năm 2020 tại Quyết định số 2392/QĐ-BQL ngày 31/12/2019 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: 01 giai đoạn, 01 túi hồ sơ
- Loại hợp đồng: Trọn gói

#### 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Thông số kỹ thuật của hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn sau đây:

STT	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Đặc tính kỹ thuật, thông số yêu cầu tối thiểu
1	Đầu ghi hình Camera IP 16 kênh chuẩn nén Ultra265	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng. Đầu ghi hình IP camera 16 kênh: Chuẩn nén video Ultra265. Độ phân giải ghi lên tới 8 Megapixels. Cổng ra HDMI với độ phân giải 4K. Xem lại đồng thời 4/8/16 kênh. Hỗ trợ camera IP của bên thứ 3 với chuẩn ONVif.1 đầu ra VGA, 1 đầu ra HDMI. 3 cổng USB2.0. Hỗ trợ 1 ổ HDD dung lượng tối đa mỗi ổ 10TB . Kèm chuột và nguồn. Miễn phí 1 host chính hãng trọn đời sản phẩm. Hỗ trợ chuẩn H.265. Tốc độ băng thông nhận 40/60/80 Mbps. Độ phân giải xem lại: 8MP/6MP/5MP/4MP/3MP/1080p/960p/720p/D1/2CIF/CIF. Hỗ trợ 4 cổng vào và 1 cổng ra báo động, 1 cổng audio vào, ra. Hỗ trợ xem đồng thời 128 người dùng
2	Đầu ghi hình Camera IP camera 32 kênh	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Đầu ghi hình IP camera 32 kênh: Chuẩn nén video Ultra265. Độ phân giải ghi rất cao lên tới 8 Megapixels. Cổng ra HDMI với độ phân giải 4K. Xem lại đồng thời 32 kênh. Hỗ trợ camera IP của bên thứ 3 với chuẩn ONVif. 1 đầu ra VGA, 1 đầu ra HDMI. 1 cổng USB2.0 và 1 cổng USB 2.0. Hỗ trợ 2 khe cắm ổ cứng dung lượng tối đa mỗi ổ 10TB . Kèm chuột và nguồn. Miễn phí 1 host chính hãng trọn đời sản phẩm. Hỗ trợ chuẩn H.265. Tốc độ băng thông nhận 160Mbps.Độ phân giải xem lại: 8MP / 6MP / 5MP / 4MP / 3MP / 1080p / 960p / 720p / D1 / 2CIF / CIF. Hỗ trợ xem đồng thời 128 người dùng

STT	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Đặc tính kỹ thuật, thông số yêu cầu tối thiểu
3	Camera thân trụ chuẩn nén Ultra265	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng. Chuẩn nén hình ảnh Ultra265. 1/2.7" CMOS, 2.0 megapixel, progressive scan, 2MP (1920*1080): Max. 30fps;Ultra265/H.265/H.264/MJPEG . Hỗ trợ 3 luồng video, ống kính điều chỉnh 2.8~12 mm, Góc quan sát 112.7°~28.1°. Hồng ngoại 30m, độ nhạy sáng 0.01 Lux. Hỗ trợ công nghệ nén băng thông U-code. Tự động chuyển ngày đêm, tự động cân bằng ánh sáng trắng, chống gợn, chống nhiễu 3DNR, chống ngược sáng DWDR, chuẩn chống nước IP67. Chuẩn Onvif quốc tế. Hỗ trợ tên miền miễn phí trọn đời. Nguồn cấp DC12V(± 25%).
4	Camera Speed dome chuẩn nén Ultra265	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng. 1/2.9" CMOS, ICR, 1920x1080:30fps, Ultra 265/H.265/H.264/MJPEG. Ống kính zoom quang 22x (5.2 ~ 114.4 mm), lấy nét tự động AF và ống kính zoom động cơ. Góc nhìn 54.40° (wide) ~ 3.44° (tele). Độ nhạy sáng 0.01 lux , 0 LUX khi bật hồng ngoại. Khả năng quan sát hồng ngoại 150m. Set được 1024 điểm quay. Hỗ trợ công nghệ nén băng thông U-code. Hỗ trợ 3 dòng video, nguồn điện áp DC 12V±10% , hỗ trợ thẻ SD lên tới 128GB. Chuẩn ngoài trời IP66. Hỗ trợ chức năng Phát hiện hành vi Xâm nhập, đường chéo, phát hiện chuyển động. Nhận dạng thông minh Phát hiện khuôn mặt. Chức năng chung Watermark, lọc địa chỉ IP, báo động giả mạo, chính sách truy cập, bảo vệ ARP, xác thực RTSP, xác thực người dùng. Chức năng đếm người. Chuẩn Onvif quốc tế. Hỗ trợ tên miền miễn phí trọn đời theo sản phẩm.
5	Nguồn Camera 12V2A liền hộp kỹ thuật	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng
6	Ổ cứng lưu trữ	Chuẩn kết nối: SATA 3 (6Gb/s). Purple 4TB . Chuẩn kết nối: SATA 3 (6Gb/s). Dung lượng lưu trữ: 4TB. Kích thước / Loại: 3.5 inch. Công nghệ Advanced Format (AF): Có. Hiệu năng: Tốc độ truyền dữ liệu (max); Tốc độ chuẩn kết nối: 6 Gb/s; Tốc độ ghi dữ liệu: 175 MB/s; Tốc độ vòng quay: 5400 RPM; Bộ nhớ đệm: 64MB; Kích thước vật lý: 26.1 x147x101.6 mm (Cao x Dài x Rộng)
7	Dây HDMI chiều dài 3m	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng. Chiều dài: 3m
8	Dây Camera liền nguồn	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Dây Dropwire Camera liền nguồn 2x(2x0.5)Cu + 2VCm0.5mm2 PE - OVAN. Đường kính 4 lõi Đồng 0,50 mm nguyên chất 99,99% . Nhựa mới PE. Màu đen .Tiết

STT	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Đặc tính kỹ thuật, thông số yêu cầu tối thiểu
		diện mỗi sợi cáp điện 0,5 mm <sup>2</sup> . Màu sắc dây điện Đỏ & đen. Hình dạng sợi cáp Số 8 ( F8 ) - Rulo Nhựa 305 mét. Truyền tín hiệu camera – Truyền hình cáp kèm Internet. Hộ gia đình. Tiêu chuẩn ISO 9001 QUALITY ASSURANCE - RoHS. Kiểm tra chất lượng: Quatest 3
9	Bộ chia mạng Switch	Switch Layer 2 unmanaged 8 cổng Gigabit. Công suất chuyển mạch 16G. Tốc độ chuyển tiếp gói tin 11.9Mpps. Cổng giao tiếp: 8* 10/100/1000 Base-T. Lưu trữ Chế độ Exchange và chuyển tiếp. Bộ nhớ gói dữ liệu 1.5Mb. Nguồn: DC 9V/1A. Chống sét: 4KV. Kích thước (mm): 186x106x33
10	Tủ kỹ thuật	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng. Kích thước: (45mm x 38mm x 12mm). chất liệu thép sơn tĩnh điện
11	Chân đế Camera Speed Dome	Kim loại nguyên khối. Màu trắng. Kích thước: 230.3mmx141mmx201.5mm. Trọng lượng: 0.79kg
12	Bộ chuyển đổi Internet kỹ thuật số.	Tín hiệu quang: TX, RX. Chế độ làm việc: Không đồng bộ, điểm tới điểm, hỗ trợ cả full/half duplex. Tốc độ truyền dữ liệu điện: Thích ứng 1000Mbps. Tốc độ truyền dữ liệu quang: 1000Mbps. Khoảng cách quang: 25 Km Single-mode. Khoảng cách cáp mạng (RJ45): 100 mét. Loại dây cáp điện: UTP 5/6. Bước sóng quang: 1310nm. Cổng kết nối điện: RJ45
13	Dây cáp quang ngoài trời 2FO	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng. Các ống đệm lỏng được bện SZ xung quanh phần tử chịu lực trung tâm, bảo vệ cáp chịu được những tác động khi lắp đặt và môi trường. Ống đệm lỏng nhồi dầu chứa 1 sợi quang (2Fo). Sợi chống thấm quán quanh FRP. Băng chống thấm quán quanh lõi cáp. Lớp nhựa HDPE bảo vệ bên ngoài. Đặc tính kỹ thuật Cáp quang 2 sợi (2 lõi, 2 core, 2 Fo). Bán kính cong nhỏ nhất khi lắp đặt: 20 lần đường kính ngoài của cáp. Bán kính cong nhỏ nhất sau khi lắp đặt: 10 lần đường kính ngoài của cáp. Lực kéo lớn nhất khi lắp đặt: 2700N. Lực kéo lớn nhất khi làm việc: 1300N. Lực nén lớn nhất khi lắp đặt: 2000N/100mm. Khả năng chịu va đập với E=10N.m r=150mm: 30 lần va đập.
14	Phần mềm nhận dạng biển số xe và đếm lưu lượng xe	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Có những tính năng như: Chụp ảnh xe ra vào; Nhận diện cùng lúc nhiều xe qua lại; Thống kê số lượng xe ra vào; Phân loại xe ra vào; Quản lý dữ liệu tập trung; Tìm kiếm theo biển số. Cụ thể như sau: - Chức năng đếm xe ra vào: Hệ thống sử dụng hình ảnh trực tiếp từ camera giám sát để ghi nhận biển số phương tiện ra vào. Sau khi chụp ảnh và đọc thông tin biển số, hệ thống tự động lưu lại thông tin bao gồm: Hình ảnh biển số, Biển số

STT	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Đặc tính kỹ thuật, thông số yêu cầu tối thiểu
		<p>dạng text, Thời gian di chuyển qua camera giám sát. Phần mềm được xây dựng dựa trên các phương pháp xử lý hình ảnh và trí tuệ nhân tạo tiên tiến nhất với các module chính như: Ghi nhận, Phân tích và nhận biết vùng có biển số xe trên ảnh. Sử dụng thuật toán OCR để nhận dạng biển số ra dạng Text để lưu trữ thông tin. Ghi nhận biển số kèm thời gian di chuyển qua camera giám sát.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chức năng phân loại xe ra vào. Hệ thống sử dụng hình ảnh ghi nhận được từ camera giám sát, phân loại phương tiện theo hình thức, dữ liệu ghi nhận được tự động lưu vào phần mềm; Nhận diện và phân loại phương tiện: xe máy, xe ô tô, xe tải...; Thống kê chính xác số lượng từng loại xe theo biển số; Quản lý theo từng camera</li> <li>- Báo cáo giám sát ra vào; Hệ thống báo cáo thông minh giúp người dùng có thể tìm kiếm, lọc và xem dữ liệu theo các trường thông tin mong muốn: thời gian, loại xe, Biển số, tên chủ sở hữu, tên lái xe...; Mỗi phương tiện đều được quản lý giữa ảnh biển số vào và biển số ra, giúp dễ dàng so khớp, quản lý khi có mất cắp xảy ra; Dữ liệu sau khi lọc theo trường thông tin cụ thể được hiển thị trực tiếp trên giao diện phần mềm hoặc xuất báo cáo file excel phục vụ các mục đích quản lý khác.</li> <li>- Chức năng tìm kiếm nhanh: Hỗ trợ tra cứu thông tin phương tiện ra vào theo thời gian; Quản lý được tất cả phương tiện ra vào theo một khoảng thời gian nhất định, ghi nhận hình ảnh biển số vào, thời gian vào, biển số ra, thời gian ra.)</li> </ul>
15	Cột tín hiệu giao thông làm bằng thép mạ kẽm.	Cột tín hiệu giao thông làm bằng thép mạ kẽm cao 5m dày 5mm D=204mm/130mm chân đế 400mm x 400mm x 20mm + Thân ngang 4m dày 4mm D=128mm/80mm bích đế 180mm/12mm + thân ngang 4m dày 4mm D=128mm/8mm0 bích đế 180mm/12 mm (Bao gồm chi phí thuê xe cẩu lắp đặt)
16	Máy vi tính để bàn	<p>Chất lượng mới 100%          Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất          Máy vi tính để bàn đạt các tiêu chuẩn ISO 9001:2015 &amp; ISO 14001: 2015; ISO 45001:2018, ISO/IEC 27001:2013; ISO/IEC 17025:2017.          Hãng sản xuất máy vi tính thương hiệu Việt nam được cơ quan có thẩm quyền xác nhận về năng lực sản xuất đạt công suất dây chuyền lắp ráp <math>\geq 240.000</math> chiếc/năm (nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh, bản sao có chứng thực)          Intel Pentium Process G4400 (3.3GHz, Cache 3MB)/          Bo mạch chủ cùng thương hiệu nhà sản xuất sử dụng Intel® H110 Express Chipset.</p>



STT	Tên hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan	Đặc tính kỹ thuật, thông số yêu cầu tối thiểu
		<p>Giao diện trên bo mạch: 1 x PS/2 keyboard/mouse port; 1 x D-Sub port; 1 x DVI-D port; 1 x HDMI port; 1 x DisplayPort; 2 x COM port (1 port, 1 connector); 2 x USB 3.1 Gen 1 ports; 4 x USB 2.0/1.1 ports; 1 x RJ-45 port; 3 x audio jacks (Line In, Line Out, Mic In)</p> <p>- Tính năng tích hợp trên MainBoard:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hiển thị và theo dõi thông tin hệ thống theo thời gian thực như CPU, Mainboard, RAM, xung CPU, tốc độ Fan ...</li> <li>Thiết lập tốc độ quạt, tạo cảnh báo khi nhiệt độ quá cao của hệ thống.</li> <li>+ Dọn dẹp file rác để hệ thống hoạt động nhanh &amp; tiết kiệm năng lượng hơn.</li> <li>+ Tăng tốc độ truy cập USB 3.0 khi cần truyền dữ liệu dung lượng lớn.</li> <li>+ Kết nối và điều khiển máy tính thông qua điện thoại smartphone.</li> <li>+ Quản lý bảo trì máy tính từ xa: Cập nhật BIOS theo thời gian thực; Giám sát tình trạng nhiệt độ, điện năng. Điều khiển các chế độ đánh thức/tắt/khởi động lại/ngủ đông.</li> </ul> <p>RAM: DDR4 4GB bus 2400/2666  Ổ cứng: SSD 240GB SATA  VGA, Sound &amp; LAN: Onboard  Keyboard, Mouse: Chuẩn USB  Màn hình vi tính 19.5" LED:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Độ phân giải: 1600 x 900</li> <li>+ Thời gian đáp ứng: 5ms</li> <li>+ Tỷ lệ tương phản động (DCR): 120.000.000:1</li> <li>+ Góc nhìn: 170°/160°</li> <li>+ Số màu hiển thị: 16.7M</li> <li>+ Đạt tiêu chuẩn theo phương pháp thử TCVN 9508:2012 và IEC 62301:2011</li> <li>+ Sử dụng công nghệ ABL (Anti Blue Light) chống lại ánh sáng xanh làm hại cho mắt</li> </ul>
17	Khung móng thép mạ kẽm	Chất lượng mới 100%. Bảo hành theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Quy cách: M24x300mmx300mmx750mm

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

#### Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

<b>1. Định nghĩa</b>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do nhà thầu chính đề xuất trong E-HSDT hoặc nhà thầu thực hiện các phần công việc mà nhà thầu chính đề xuất trong E-HSDT; ký Hợp đồng với nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong E-HSDT được Chủ đầu tư chấp thuận;</p> <p>1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. "Giá hợp đồng" là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;</p> <p>1.8. "Hàng hóa" bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế;</p> <p>1.9. "Dịch vụ liên quan" bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ;</p> <p>1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.11. "Địa điểm dự án" là địa điểm được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>2. Thứ tự ưu tiên</b>	<p>Các tài liệu cấu thành hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>2.1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);</p>

	<p>2.2. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>2.3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>2.4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;</p> <p>2.5. Điều kiện chung của hợp đồng;</p> <p>2.6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);</p> <p>2.7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);</p> <p>2.8. Các tài liệu khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>3. Luật và ngôn ngữ</b>	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
<b>4. Ủy quyền</b>	Trừ khi có quy định khác nêu tại <b>E-ĐKCT</b> , Chủ đầu tư có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng hình thức điện tử cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng hình thức điện tử cho Nhà thầu.
<b>5. Thông báo</b>	<p>5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng hình thức điện tử, theo địa chỉ quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>
<b>6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>	<p>6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>7. Nhà thầu phụ</b>	<p>7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b> để thực hiện một phần công việc nêu trong E-HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.</p> <p>Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã được quy định tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>7.2. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng nhà thầu phụ</p>

	<p>nêu trong E-HSDT.</p> <p>7.3. Yêu cầu khác về nhà thầu phụ quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>8. Giải quyết tranh chấp</b>	<p>8.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.</p> <p>8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định quy định tại <b>E-ĐKCT</b> kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>9. Phạm vi cung cấp</b>	<p>Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV và được đính kèm thành Phụ lục và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp và đơn giá của các loại hàng hóa, dịch vụ đó.</p>
<b>10. Tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ</b>	<p>Tiến độ cung cấp hàng hoá và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan phải được thực hiện theo quy định tại Mẫu số 02 Chương IV. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>11. Trách nhiệm của Nhà thầu</b>	<p>Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và các dịch vụ liên quan trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 E-ĐKC và theo tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 E-ĐKC.</p>
<b>12. Loại hợp đồng</b>	<p>Loại hợp đồng: Trọn gói.</p>
<b>13. Giá hợp đồng</b>	<p>13.1. Giá hợp đồng được ghi tại <b>E-ĐKCT</b> là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá hợp đồng là trọn gói và cố định trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;</p> <p>13.2. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.</p>
<b>14. Điều chỉnh thuế</b>	<p>Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>

<p><b>15. Tạm ứng</b></p>	<p>15.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng.</p> <p>15.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích.</p> <p>15.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.</p>
<p><b>16. Thanh toán</b></p>	<p>16.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại <b>E-ĐKCT</b>. Trường hợp Chủ đầu tư thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND.</p> <p>16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.</p>
<p><b>17. Bản quyền</b></p>	<p>Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Nhà thầu đã cung cấp cho Chủ đầu tư.</p>
<p><b>18. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</b></p>	<p>18.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng hình thức điện tử của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này.</p> <p>18.2. Nếu không có sự đồng ý bằng hình thức điện tử của Chủ đầu tư, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin</p>

	<p>hoặc tài liệu nào nêu trong Mục 18.1 E-ĐKC vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng.</p> <p>18.3. Các tài liệu quy định tại Mục 18.1 E-ĐKC thuộc quyền sở hữu của Chủ đầu tư. Khi Chủ đầu tư có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Chủ đầu tư các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.</p>
<b>19. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn</b>	Hàng hóa và dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập ở Chương V; nếu ở Chương V không đề cập đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
<b>20. Đóng gói hàng hoá</b>	Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại <b>E-ĐKCT</b> phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
<b>21. Bảo hiểm</b>	Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>22. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh</b>	Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b> .
<b>23. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa</b>	<p>23.1. Chủ đầu tư hoặc đại diện của Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>23.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều</p>

	<p>chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu.</p> <p>23.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 23.1 và Mục 23.2 E-ĐKC, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.</p>
<b>24. Bồi thường thiệt hại</b>	<p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại <b>E-ĐKCT</b> tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại <b>E-ĐKCT</b>. Khi đạt đến mức tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.</p>
<b>25. Bảo hành</b>	<p>25.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác trong <b>E-ĐKCT</b>. Ngoài ra, Nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa.</p> <p>25.2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa được nêu trong <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>26. Bất khả kháng</b>	<p>26.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch.</p> <p>26.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng hình thức điện tử cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p> <p>Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư</p>

	<p>phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu.</p> <p>26.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng.</p> <p>Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 E-ĐKC.</p>
<b>27. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng</b>	<p>27.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;</li> <li>b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng;</li> <li>c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;</li> <li>d) Thay đổi địa điểm giao hàng;</li> <li>đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;</li> <li>e) Các nội dung khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</li> </ul> <p>27.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.</p>
<b>28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng</b>	<p>Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây:</p> <p>28.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng;</p> <p>28.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng;</p> <p>28.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định;</p> <p>28.4. Các trường hợp khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p>
<b>29. Chấm dứt hợp đồng</b>	<p>29.1. Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Chủ đầu tư gia</li> </ul>



	<p>hạn;</p> <p>b) Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;</p> <p>c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện Hợp đồng;</p> <p>d) Các hành vi khác quy định tại <b>E-ĐKCT</b>.</p> <p>29.2. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 29.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>29.3. Trong trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng theo điểm b Mục 29.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Chủ đầu tư được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.</p>
--	--

## Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSMT.

<b>E-ĐKC 1.1</b>	Chủ đầu tư là: <b>Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng</b>
<b>E-ĐKC 1.3</b>	Nhà thầu: _____ <i>[ghi tên Nhà thầu trúng thầu]</i> .
<b>E-ĐKC 1.11</b>	Địa điểm Dự án/Điểm giao hàng cuối cùng là: <b>Cửa khẩu Tà Lùng, huyện Quảng Hòa và cửa khẩu Trà Lĩnh, huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng</b>
<b>E-ĐKC 2.8</b>	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Bản vẽ thiết kế hệ thống, các thiết bị phụ trợ - Quy trình quản lý, vận hành và bảo dưỡng hệ thống; - Biểu tiến độ cung cấp hàng hóa, lắp đặt và chuyển giao; - Và các tài liệu khác liên quan
<b>E-ĐKC 4</b>	Chủ đầu tư <i>[có thể hoặc không thể]</i> ủy quyền các nghĩa vụ và trách nhiệm của mình cho người khác.
<b>E-ĐKC 5.1</b>	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: <b>Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Cao Bằng</b> Địa chỉ: <b>Phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng</b> Điện thoại: Địa chỉ email:
<b>E-ĐKC 6.1</b>	- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo lãnh thực hiện hợp đồng do ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt nam phát hành và là bảo đảm không có điều kiện. - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: <b>3% Giá hợp đồng</b> . - Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi hệ thống được bàn giao, nghiệm thu và đưa vào sử dụng
<b>E-ĐKC 6.2</b>	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Sau khi hệ thống được bàn giao đưa vào sử dụng.
<b>E-ĐKC 7.1</b>	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSMT]</i> .
<b>E-ĐKC 7.3</b>	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ <i>[ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)]</i> .
<b>E-ĐKC 8.2</b>	- Thời gian để tiến hành hòa giải: <b>5 ngày</b>

	- Giải quyết tranh chấp: <b>10 ngày</b>
<b>E-ĐKC 10</b>	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa:
<b>E-ĐKC 13.1</b>	Giá hợp đồng: ___ [ <i>ghi giá hợp đồng theo giá trị nêu trong Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</i> ].
<b>E-ĐKC 14</b>	Điều chỉnh thuế: <b>Không áp dụng</b>
<b>E-ĐKC 15.1</b>	Tạm ứng: <b>Không quá 50% giá trị hợp đồng sau khi có đề nghị tạm ứng và bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</b>
<b>E-ĐKC 16.1</b>	Phương thức thanh toán: <b>Chuyển khoản</b>
<b>E-ĐKC 20</b>	Đóng gói hàng hóa: <b>Nhà thầu chịu trách nhiệm đóng gói, quản lý và vận chuyển đảm bảo hiệu quả, an toàn và toàn vẹn cho hàng hóa.</b>
<b>E-ĐKC 21</b>	Nội dung bảo hiểm: <b>Áp dụng theo các quy định hiện hành về bảo hiểm với hàng hóa nhà thầu cung cấp</b>
<b>E-ĐKC 22</b>	<p>+ <i>Phụ tùng thay thế: Phụ tùng thay thế sẵn có, cam kết cung cấp trong thời gian bảo hành, vận hành hệ thống.</i></p> <p>+ <i>Dịch vụ kỹ thuật: Dịch vụ bảo hành phải được cung cấp trong vòng 2 ngày kể từ ngày nhận được thông báo về việc bảo hành; Dịch vụ bảo trì phải được cung cấp trong vòng 4 ngày kể từ ngày có thông báo</i></p> <p>a) <i>Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử các máy móc, thiết bị đã cung cấp theo yêu cầu kỹ thuật và đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư</i></p> <p>b) <i>Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng máy móc, thiết bị được cung cấp;</i></p> <p>c) <i>Cung cấp các tài liệu chỉ dẫn chi tiết về vận hành và bảo dưỡng cho mỗi loại thiết bị được cung cấp;</i></p> <p>d) <i>Thực hiện hoặc giám sát việc bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, thiết bị đã cung cấp;</i></p> <p>đ) <i>Đào tạo nhân sự, chuyển giao công nghệ cho Chủ đầu tư về việc lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các máy móc, thiết bị được cung cấp;</i></p> <p>e) <i>Các nội dung khác (nếu có)].</i></p>
<b>E-ĐKC 23.1</b>	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: <b>Hệ thống phải được vận hành thử nghiệm theo quy định.</b>
<b>E-ĐKC 24</b>	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: <b>10 %;</b>

	<p>Mức khấu trừ: 5%/01 ngày chậm tiến độ về việc cung cấp hàng hóa và thi công lắp đặt</p> <p>Mức khấu trừ tối đa:</p>
<b>E-ĐKC 25.1</b>	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa: không áp dụng
<b>E-ĐKC 25.2</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn bảo hành: Thời hạn bảo hành được tính kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu.</li> <li>- Bảo hành: Nhà thầu có phiếu bảo hành kèm theo, trong đó nêu rõ thời gian và trách nhiệm bảo hành của Nhà thầu.</li> <li>- Chủ đầu tư giữ lại một phần tương đương 5% giá trị của hợp đồng để bảo đảm nghĩa vụ bảo hành hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng.</li> <li>- Cơ chế giải quyết các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong quá trình sử dụng hàng hóa trong thời hạn bảo hành: Sau khi nhận được thông báo sửa chữa 2 ngày, Nhà thầu phải đến để cung cấp dịch vụ bảo hành tại vị trí lắp đặt</li> </ul>
<b>E-ĐKC 27.1(e)</b>	Các nội dung khác về hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng (nếu có)
<b>E-ĐKC 28.4</b>	Các trường hợp khác: không áp dụng
<b>E-ĐKC 29.1(d)</b>	Các hành vi khác: không áp dụng

## **Chương VIII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng. Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và Mẫu bảo lãnh tiền tạm ứng dành cho Nhà thầu trúng thầu ghi thông tin và hoàn chỉnh sau khi được trao hợp đồng.

Mẫu số 21. Thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng

Mẫu số 22. Hợp đồng

Mẫu số 23. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Mẫu số 24. Bảo lãnh tiền tạm ứng

## THƯ CHẤP THUẬN HỒ SƠ DỰ THẦU VÀ TRAO HỢP ĐỒNG

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: *[ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]*

Về việc: *Thông báo chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng*

Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Chủ đầu tư *[ghi tên Chủ đầu tư, sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”]* về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: \_\_\_\_ *[ghi tên, số hiệu gói thầu]*, Bên mời thầu *[ghi tên Bên mời thầu, sau đây gọi tắt là “Bên mời thầu”]* xin thông báo Chủ đầu tư đã chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu *[ghi tên, số hiệu gói thầu]* với giá hợp đồng là: \_\_\_\_ *[ghi giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]* với thời gian thực hiện hợp đồng là: \_\_\_\_ *[ghi thời gian thực hiện hợp đồng trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu]*.

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: \_\_\_\_ *[ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng]*, tại địa điểm *[ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng]*;

- Thời gian ký kết hợp đồng: \_\_\_\_ *[ghi thời gian ký kết hợp đồng]*; tại địa điểm *[ghi địa điểm ký kết hợp đồng]*, gửi kèm theo Dự thảo hợp đồng.

Đề nghị Nhà thầu thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo Mẫu số 23 Chương VIII của E-HSMT với số tiền \_\_\_\_ và thời gian hiệu lực \_\_\_\_ *[ghi số tiền tương ứng và thời gian có hiệu lực theo quy định tại Mục 6.1 E-ĐKCT của E-HSMT]*.

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu phải có văn bản chấp thuận đến hoàn thiện, ký kết hợp đồng và thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu nêu trên, trong đó Nhà thầu phải cam kết năng lực hiện tại của Nhà thầu vẫn đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày\_\_ tháng\_\_ năm\_\_<sup>(1)</sup>mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại và không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Tài liệu đính kèm:Dự thảo hợp đồng

Ghi chú:

(1) Ghi thời gian phù hợp với thời gian quy định trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu.

**HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]

Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 14/6/2005 của Quốc hội];

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 của Quốc hội];

- Căn cứ <sup>(2)</sup> \_\_\_\_ [Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu];

- Căn cứ Quyết định số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] và thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư [ghi tên Chủ đầu tư]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

<sup>(1)</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với **E-ĐKCT**.

<sup>(2)</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.



Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_  
(trường hợp được ủy quyền).

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên Nhà thầu : \_\_\_\_ [ghi tên Nhà thầu trúng thầu]

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng; Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. E-ĐKCT;
5. E-ĐKC;
6. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của Nhà thầu trúng thầu (nếu có);
7. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định trong E-ĐKCT của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong E-ĐKC và E-ĐKCT của hợp đồng.

#### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng*].

2. Phương thức thanh toán: \_\_\_\_ [*ghi phương thức thanh toán theo quy định tại Mục 16.1 E-ĐKCT của hợp đồng của E-HSMT*].

#### **Điều 6. Loại hợp đồng**

Loại hợp đồng: trọn gói

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng:** \_\_\_\_ [*ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1.2 E-BDL, E-HSMT và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên*].

#### **Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_ [*ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng*].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_ bộ, Chủ đầu tư giữ \_\_\_\_ bộ, Nhà thầu giữ \_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

#### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

##### **CỦA NHÀ THẦU**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

#### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

##### **CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

## PHỤ LỤC BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_)

Phụ lục này được lập trên cơ sở yêu cầu nêu trong E-HSMT, E-HSDT và những thỏa thuận đã đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc. Giá (thành tiền) cho từng hạng mục, nội dung công việc đã bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

### BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

STT	Nội dung giá hợp đồng	Thành tiền
1	Giá hàng hoá	(M)
2	Giá dịch vụ liên quan	(I)
<b>Tổng cộng giá hợp đồng</b> (Kết chuyển sang Điều 5 hợp đồng)		<b>(M) + (I)</b>

### BẢNG GIÁ CỦA HÀNG HÓA

STT	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Xuất xứ, ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x6)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hàng hoá thứ 1					M1
2	Hàng hoá thứ 2					M2
	....					
n	Hàng hoá thứ n					Mn
<b>Tổng cộng giá hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b> (Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)						<b>M=M1+M2 +...+Mn</b>

## BẢNG GIÁ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Mô tả dịch vụ	Khối lượng	Đơn vị tính	Địa điểm thực hiện dịch vụ	Đơn giá	Thành tiền (Cột 2x5)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
<b>Tổng giá các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b> <i>(Kết chuyển sang bảng giá hợp đồng)</i>					<b>(I)</b>

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ *[ghi tên Chủ đầu tư]*

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà thầu đã trúng thầu gói thầu \_\_\_\_\_ *[ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cung cấp hàng hoá cho gói thầu trên (sau đây gọi là hợp đồng); <sup>(2)</sup>

Theo quy định trong E-HSMT (hoặc hợp đồng), Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ *[ghi tên của ngân hàng]* ở \_\_\_\_\_ *[ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ]* có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ *[ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là \_\_\_\_\_ *[ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Mục 6.1 E-ĐKCT của E-HSMT]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ *[ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của Chủ đầu tư thông báo Nhà thầu vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(4)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng***[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc tổ chức tài chính.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời thầu sẽ báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ *[ghi tên Nhà thầu]* (sau đây gọi là Nhà thầu) là Nhà

thầu trúng thầu gói thầu \_\_\_\_ [*ghi tên gói thầu*] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_ [*ghi số hợp đồng*] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 6.1 **E-ĐKCT**.

**BẢO LÃNH TIỀN TẠM ÚNG <sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [*ghi tên Chủ đầu tư*]

(sau đây gọi là Chủ đầu tư)

[*ghi tên hợp đồng, số hợp đồng*]

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong E-ĐKCT của hợp đồng, \_\_\_\_ [*ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu*] (sau đây gọi là Nhà thầu) phải nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm Nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng*] cho việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_ [*ghi tên của ngân hàng*] ở \_\_\_\_ [*ghi tên quốc gia hoặc vùng lãnh thổ*] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_ [*ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(2)</sup>*] (sau đây gọi là “ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu Nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá \_\_\_\_ [*ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng như yêu cầu quy định tại Mục 15.1 E-ĐKCT của hợp đồng của E-HSMT*].

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Giá trị của bảo lãnh này sẽ được giảm dần tương ứng với số tiền tạm ứng mà Chủ đầu tư thu hồi qua các kỳ thanh toán quy định tại Điều 5 của Hợp đồng sau khi Nhà thầu xuất trình văn bản xác nhận của Chủ đầu tư về số tiền đã thu hồi trong các kỳ thanh toán.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày Nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo hợp đồng cho đến ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(3)</sup> hoặc khi Chủ đầu tư thu hồi hết số tiền tạm ứng, tùy theo ngày nào đến sớm hơn.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Căn cứ E-ĐKCT của gói thầu mà quy định phù hợp với yêu cầu quy định tại Mục 15.1 **E-ĐKCT**.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày giao hàng quy định trong hợp đồng. Nếu giao hàng theo từng phần thì có thể quy định bảo lãnh tiền tạm ứng hết hiệu lực khi giá trị hàng hóa được giao và nghiệm thu lớn hơn hoặc bằng số tiền được tạm ứng. Trong trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng thì yêu cầu gia hạn thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tiền tạm ứng.